TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2025**/DS - ST
Ngày **28** tháng **4** năm **2025**
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Khánh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cao Văn Truyện
2. Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 281/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2025/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 281/2024/QĐSST-DS ngày 18/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Công C**,** sinh năm: 1968, địa chỉ: Thôn Hà Đông, xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1964; địa chỉ: số 75 Lý Thiên Bảo, thôn Cẩm Nam, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 23/11/2024, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Trần Công C thể hiện:

Vào ngày 27/12/2016 bà Phan Thị T có vay ông Trần Công C số tiền 10.000.000đ đến ngày 11/7/2017 bà T tiếp tục vay thêm của tôi 10.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 20.000.000đ, khi vay tiền bà T đều có viết giấy mượn tiền cụ thể từng lần.

Để đảm bảo khoản vay thì bà T có thế chấp 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Hộ Phan Văn Ba số B362295, số thửa 399, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.020m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 459, tờ bản đồ số 4 diện tích 260m^2, mục đích sử dụng là đất lúa. Giấy chứng nhận được UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/12/1994, (ông Phan Văn Ba là chồng của bà T) và 01 sổ hộ khẩu đứng tên bà Phan Thị Mỹ Sương.

Ông Trần Công C đã tạo điều kiện cũng như cho thời gian để bà T trả nợ, nhưng bà T không có thiện chí trả nợ cho tôi. Nay ông Trần Công C yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Phạm Thị T trả số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đ và tiền lãi chậm trả của 83 tháng là 13.778.000đ (20.000.000đ x 83 tháng x 0.83%).

- Đối với bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà Phan Thị T thừa nhận vào ngày 27/12/2016 bà Phan Thị T có vay của ông C số tiền 10.000.000đ đến ngày 11/7/2017 bà T tiếp tục vay thêm của ông C 10.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 20.000.000đ, khi vay tiền bà T đều có viết giấy mượn tiền cụ thể từng lần.

Để đảm bảo khoản vay thì bà T có thế chấp 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Hộ Phan Văn Ba số B362295, số thửa 399, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.020m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 459, tờ bản đồ số 4 diện tích 260m^2, mục đích sử dụng là đất lúa. Giấy chứng nhận được UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/12/1994, (ông Phan Văn Ba là chồng của bà T) và 01 sổ hộ khẩu đứng tên bà Phan Thị Mỹ Sương.

Sau khi mượn tiền bà T đã nhiều lần trả lãi cho ông C. Vì vậy bà T đề nghị không phải trả lãi cho ông C nữa. Còn nợ gốc 20.000.000đ bà T đề nghị ông C bớt 5.000.000đ còn 15.000.000đ bà T sẽ trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Trần Công C khởi kiện bị đơn là bà Phan Thị T phải trả số tiền đã vay, bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung tại đơn trình bày, nội dung tại các biên bản hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn thể hiện:

Vào ngày 27/12/2016 bà Phan Thị T có vay của ông C số tiền 10.000.000đ đến ngày 11/7/2017 bà T tiếp tục vay thêm của ông C 10.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 20.000.000đ, khi vay tiền bà T đều có viết giấy mượn tiền cụ thể từng lần.

Để đảm bảo khoản vay thì bà Phạm Thị T có thế chấp 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Hộ Phan Văn Ba số B362295, số thửa 399, tờ bản đồ

số 3, diện tích 1.020m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 459, tờ bản đồ số 4 diện tích 260m^2, mục đích sử dụng là đất lúa. Giấy chứng nhận được UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/12/1994, (ông Phan Văn Ba là chồng của bà Phạm Thị T) và 01 sổ hộ khẩu đứng tên bà Phan Thị Mỹ Sương.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giao dịch vay mượn tiền giữa ông Trần Công C và bà Phan Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị T thừa nhận từ khi bà Phan Thị T vay tiền của ông Trần Công C đến nay bà T chưa trả được lần tiền gốc nào cho ông C.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Phan Thị T đã vi phạm cam kết trả nợ, vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phan Thị T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng)* cho ông Trần Công C là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

[3] Tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Công C yêu cầu bà Phan Thị T phải trả tiền lãi chậm trả tính từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2025 (tổng cộng là 83 tháng) theo lãi suất 10%/năm là 13.778.000 đồng (83 tháng x 20.000.000đ x 0.83%).

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại hai giấy mượn tiền ngày 27/12/2016 và ngày 11/7/2017 các bên không có thoả thuận lãi suất. Do đó, ông Trần Công Cương yêu cầu bà Phan Thị T trả lãi là 10%/năm trên số tiền nợ gốc đối với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Hộ Phan Văn Ba số B362295, số thửa 399, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.020m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 459, tờ bản đồ số 4 diện tích 260m^2, mục đích sử dụng là đất lúa. Giấy chứng nhận được UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/12/1994, (ông Phan Văn Ba là chồng của T) và 01 sổ hộ khẩu đứng tên bà Phan Thị Mỹ Sương hiện tại ông Trần Công C đang giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Phan Thị T đưa 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bản gốc số B362295, số thửa 399, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.020m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 459, tờ bản đồ số 4 diện tích 260m^2, mục đích sử dụng là đất lúa, Giấy chứng nhận được UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/12/1994 và 01 sổ hộ khẩu đứng tên bà Phan Thị Mỹ Sương cho ông Trần Công C là để làm tin đảm bảo cho khoản vay 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng),* do đó cần buộc ông Trần Công C phải trả lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và số hộ khẩu bản gốc cho bà Phan Thị T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bà Phan Thị T là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phi dân sự.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trần Công C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* của ông Trần Công C đối với bà Phan Thị T

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Buộc bà Phan Thị T phải trả cho ông Trần Công C số tiền 33.778.000 đồng, (trong đó nợ gốc: 20.000.000 đồng, nợ lãi 13.778.000 đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Trần Công C có nghĩa vụ phải trả lại 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bản gốc số B362295, số thửa 399, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.020m^2, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 459, tờ bản đồ số 4 diện tích 260m^2, mục đích sử dụng là đất lúa, Giấy chứng nhận được UBND huyện Hoà Vang cấp ngày 28/12/1994 và 01 sổ hộ khẩu đứng tên bà Phan Thị Mỹ Sương cho bà Phan Thị T.

2. Án phí Dân dự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bà Phan Thị T được miễn tiến án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Trần Công C số tiền tạm ứng án phí 920.000đ *(hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0008300 ngày 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hữu Khánh